ĐỀ THI HỌC KỲ 1 - TIẾNG NHẬT LỚP 6

Tên HS : _____

Lớp : _____

Bài 1: Hãy phiên âm sang Hiragana: (0.1đ x 10 = 1.0đ)

① buta

② kabe

③ kaze

④ gaka

⑤ yubi

⑥ empitsu

⑦ kusuriya

⑧ karada

⑨ hondana

⑩ kazoku

Bài 2: Hãy phiên âm sang romaji và cho biết nghĩa của từ vựng: (0.1đ x 10 = 1.0đ)

① まんが		⑥ はっぱ	
② かばん		⑦ がっき	
③ たんぽ		⑧ びょういん	
④ さっか		⑨ ぎゅう	
⑤ けっこん		⑩ せんたく	

Bài 3: Hãy khoanh từ khác với các từ còn lại trong nhóm: (0.1đ x 10 = 1.0đ)

①	しゃしん、がか、かしゅ、せんせい	⑥	みみ、め、まち、くち
②	やま、じてんしゃ、たんぽ、かわ	⑦	つき、ほし、わたし、くも
③	ほん、きょうかしょ、ぼうし、えんぴつ	⑧	おねえさん、せいと、おかあさん、おにいさん
④	すいぎゅう、ねこ、たいこ、むし	⑨	はな、ばら、らん、たいふう
⑤	としょかん、かばん、ちゅうがっこう、びょういん	⑩	かんじ、にほん、さっか、ひらがな

LIVEWORKSHEETS

Bài 4: Hãy chọn phương án đúng. (0.25đ x 8 = 2.0đ)

a.	ただいま	e.	いってらっしゃい	i.	ごちそさまでした
b.	おかえり	f.	いってきます	k.	いただきます
c.	しつれいします	g.	おなか、いっぱいです	l.	すみません
d.	どうぞ	h.	ごめんなさい	m.	おじゃますます

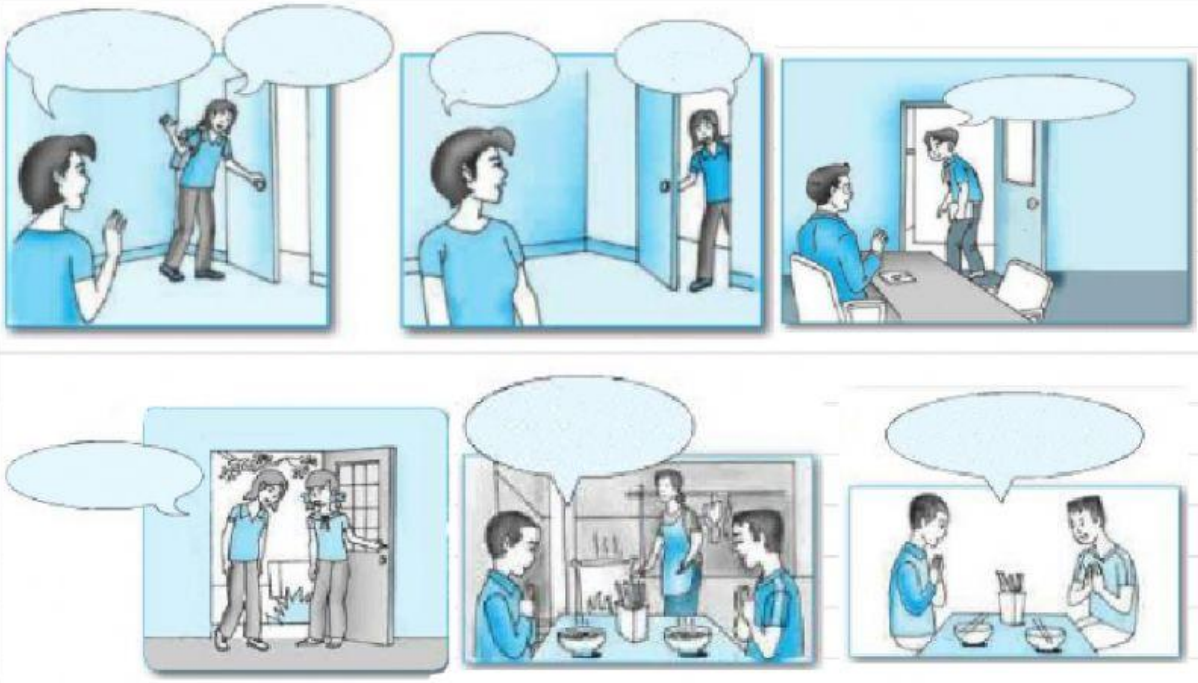

Bài 5: Hãy điền âm còn thiếu cho các từ dưới đây: (0.1đ x 15 = 1.5đ)

① き ＿ て

② じ て ん ＿ ＿

③ た い ＿ ＿

④ こ ＿ り

⑤ ぼ ＿ し

⑥ せ ＿ と

⑦ き ょ か ＿ ＿

⑧ ち ＿ う が ＿ こ ＿

⑨ お に ＿ さ ん

⑩ お と ＿ さ ん

LIVEWORKSHEETS

Bài 6: Hãy dịch các câu sau sang tiếng Nhật (0.25đ x 8 = 2.0đ)

① Con mời ông bà, bố mẹ, cả nhà ăn cơm ạ.

② Con chào bố, bố đã đi làm về rồi ạ.

③ Con chào mẹ, con đi học về rồi ạ.

④ Con no bụng rồi ạ.

⑤ Cháu xin phép quấy quả gia đình nhà mình chút ạ

⑥ Mẹ đi làm nha con, mẹ chào con

⑦ Cháu thực sự xin lỗi bác nhiều ạ (vì làm vỡ cửa kính nhà bác)

⑧ Con chào mẹ ạ, mẹ đi rồi về mẹ nha

Bài 7: Hãy chọn phát âm đúng của âm ん、つ: (0.1đ x 15 = 1.5đ)

①	えんぴつ	m	n	ng	⑧	きって	t	k	p	s
②	でんわ	m	n	ng	⑨	いっぱい	t	k	p	s
③	あんない	m	n	ng	⑩	おくった	t	k	p	s
④	あんき	m	n	ng	⑪	さっか	t	k	p	s
⑤	にほん	m	n	ng	⑫	はっさい	t	k	p	s
⑥	せんたく	m	n	ng	⑬	いっぴき	t	k	p	s
⑦	せんたく	m	n	ng	⑭	みっつ	t	k	p	s
					⑮	いっしゅう	t	k	p	s

ヽ(⌒▽⌒*)ノ Chúc các con đạt kết quả thi học kỳ như mong muốn nha ヽ(*⌒▽⌒*)ノ*

LIVEWORKSHEETS